

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 7.12.2021

SÓNG HIỀN THIỆN LÀ SỐNG BÌNH AN
Kinh Attarakkhita (Attarakkhitasuttam)
CHƯƠNG III. TƯƠNG ƯNG KOSALA, PHẨM THỨ NHẤT (S.i, 72)

Các vị vua chúa thường tạo cho mình sự an toàn qua các lực lượng phòng vệ. Thật là điều thú vị khi một vị vua có binh hùng tướng mạnh như vua Pasenadi lại có thể khởi sanh ý nghĩ rằng một người không biết gìn giữ sở hành là người không biết phòng vệ bản thân. Đức Phật vốn là một quân vương từ bỏ ngai vàng sống kiếp sa môn. Có những lúc Đức Phật sống trong rừng sâu núi thẳm một mình Ngài tự nhủ với chính mình là đời sống cá nhân với ba nghiệp vô hại, thanh tịnh thì không có gì phải sợ hãi. Chỉ có những bậc đại trí mới nhận ra sức mạnh của đời sống hiền thiện.



Kinh Văn

Sāvattthinidānaṃ.

Ở tại Sāvattthī.

Ekamantaṃ nisinno kho rājā pasenadi kosalo bhagavantaṃ etadavoca –
Ngồi một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

“idha mayhaṃ, bhante, rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivitakko udapādi – ‘kesaṃ nu kho rakkhito attā, kesaṃ arakkhito attā’ti? Tassa mayhaṃ, bhante, etadahosi –

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang ngồi yên tịnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: "Đối với những ai, tự ngã được bảo vệ? Đối với những ai, tự ngã không được bảo vệ?" Và rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau:

‘ye kho keci kāyena duccharitaṃ caranti, vācāya duccharitaṃ caranti, manasā duccharitaṃ caranti; tesam arakkhito attā. Kiñcāpi te hatthikāyo vā rakkheyya, assakāyo vā rakkheyya, rathakāyo vā rakkheyya, pattikāyo vā rakkheyya; atha

kho tesam arakkhito attā. Tam kissa hetu? Bāhirā hesā rakkhā, nesā rakkhā ajjhattikā; tasmā tesam arakkhito attā.

"Những ai thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, những người ấy không bảo vệ tự ngã. Dầu cho họ được tượng binh bảo vệ, hay được mã binh bảo vệ, hay được xa binh bảo vệ, hay được bộ binh bảo vệ; đối với những người ấy, tự ngã không được bảo vệ. Vì có sao? Vì sự bảo vệ như vậy là bảo vệ ở ngoài, không phải sự bảo vệ bên trong. Cho nên đối với những người ấy, tự ngã không được bảo vệ.

Ye ca kho keci kāyena sucaritaṃ caranti, vācāya sucaritaṃ caranti, manasā sucaritaṃ caranti; tesam rakkhito attā. Kiñcāpi te neva hatthikāyo rakkheyya, na assakāyo rakkheyya, na rathakāyo rakkheyya, na pattikāyo rakkheyya; atha kho tesam rakkhito attā. Tam kissa hetu? Ajjhattikā hesā rakkhā, nesā rakkhā bāhirā; tasmā tesam rakkhito attā”ti.

Và những ai thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, những người ấy bảo vệ tự ngã. Dầu cho họ không được tượng binh bảo vệ, hay không được mã binh bảo vệ, hay không được xa binh bảo vệ, hay không được bộ binh bảo vệ; đối với những người ấy, tự ngã được bảo vệ. Vì có sao? Vì sự bảo vệ như vậy là sự bảo vệ bên trong, không phải sự bảo vệ ở ngoài. Cho nên đối với những người ấy, tự ngã được bảo vệ."

“Evametam, mahārāja, evametam, mahārāja! Ye hi keci, mahārāja, kāyena ducaritaṃ caranti... pe... tesam arakkhito attā. Tam kissa hetu? Bāhirā hesā, mahārāja, rakkhā, nesā rakkhā ajjhattikā; tasmā tesam arakkhito attā. Ye ca kho keci, mahārāja, kāyena sucaritaṃ caranti, vācāya sucaritaṃ caranti, manasā sucaritaṃ caranti; tesam rakkhito attā. Kiñcāpi te neva hatthikāyo rakkheyya, na assakāyo rakkheyya, na rathakāyo rakkheyya, na pattikāyo rakkheyya; atha kho tesam rakkhito attā. Tam kissa hetu? Ajjhattikā hesā, mahārāja, rakkhā, nesā rakkhā bāhirā; tasmā tesam rakkhito attā”ti. Idamavoca... pe...

(từ đoạn này đến cuối bài kinh là lời Đức Thế Tôn xác nhận sự đồng thuận của Ngài bằng cách lập lại những lời vua Pasenadi. Nhưng bản dịch không ghi rõ. Bản hiệu đính dịch lại lời của Đức Phật cũng được xem lại dịch lại lời vua Pasenadi)

Đúng như vậy, này Đại vương, những ai làm ác hạnh qua thân, khẩu, ý là khiến chính mình không được bảo vệ. Ngay cả người đó được phòng hộ bởi tượng binh, bộ binh, kỵ binh cũng không bảo vệ chính mình. Vì sao vậy? vì đó chỉ là bảo vệ bên ngoài chứ không bảo vệ bên trong. Nên gọi là người không được bảo vệ.

Trái lại những người có sở hành hiền thiện qua thân, khẩu ý là người biết bảo vệ chính mình. Ngay cả người đó không được phòng hộ bởi tượng binh, bộ binh, kỵ binh cũng được xem là bảo vệ chính mình. Vì sao vậy? vì đó là bảo vệ từ bên trong hơn là chỉ bảo vệ bên ngoài . Nên gọi là người được bảo vệ.

**“Kāyena saṃvaro sādhu, sādhu vācāya saṃvaro;
Manasā saṃvaro sādhu, sādhu sabbattha saṃvaro;
Sabbattha saṃvuto lajjī, rakkhitoti pavuccatī”ti.**

Lành thay bảo vệ thân!
Lành thay bảo vệ lời!
Lành thay bảo vệ ý!
Lành thay tổng bảo vệ!
Kẻ liêm sỉ bảo vệ,
Tổng quát và cùng khắp,
Vị ấy có tên gọi,
Là vị được bảo vệ.

Bản hiệu đính

*Tốt thay khéo gìn giữ,
Để thân không làm ác,
Tốt thay khéo gìn giữ,
Để khẩu không nói ác,
Tốt thay khéo gìn giữ,
Để ý không nghĩ ác,
Phòng hộ với tất cả,
Quả là điều tốt lành,
Sống lương thức, cẩn trọng,
Là người được hộ trì.*



Thích Văn

Kāyena saṃvaro sādhu = Tốt thay hộ trì thân (không làm ác)
sādhu vācāya saṃvaro = Tốt thay hộ trì khẩu (không nói ác)
Manasā saṃvaro sādhu = Tốt thay hộ trì ý (không nghĩ ác)
sādhu sabbattha saṃvaro = Tốt thay gìn giữ tất cả

Sabbattha samvuto lajjī = Người có lương thức cần trọng trong tất cả sở hành
rakkhitoti pavuccatī”ti = Gọi là”người được hộ trì”



Thích nghĩa

Từ ngữ lajjī hàm nghĩa lương tri, lương thức, lương tâm chỉ cho thái độ sống có nguyên tắc cái gì nên hay không nên làm.

Trong kệ ngôn của Đức Phật những chữ “samvaro sādhu – lành thay khéo gìn giữ” được lặp lại nhiều lần như những điểm nhấn nên trong bản hiệu đính dịch thành trọn câu lặp lại nhiều lần để chuyên chở khí chất của câu văn.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Hiệu đính và biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng
-ooOoo-*

5. Attarakkhitasuttam [Mūla]

116. Sāvattṇinidānaṃ. Ekamantaṃ nisinno kho rājā pasenadi kosalo bhagavantaṃ etadavoca – “idha mayhaṃ, bhante, rahogatassa paṭisallīnassa evaṃ cetaso parivitaṅko udapādi – ‘kesaṃ nu kho rakkhito attā, kesaṃ arakkhito attā’ti? Tassa mayhaṃ, bhante, etadahosi – ‘ye kho keci kāyena duccharitaṃ caranti, vācāya duccharitaṃ caranti, manasā duccharitaṃ caranti; tesāṃ arakkhito attā. Kiñcāpi te hatthikāyo vā rakkheyya, assakāyo vā rakkheyya, rathakāyo vā rakkheyya, pattikāyo vā rakkheyya; atha kho tesāṃ arakkhito attā. Taṃ kissa hetu? Bāhirā hesā rakkhā, nesā rakkhā ajjhattikā; tasmā tesāṃ arakkhito attā. Ye ca kho keci kāyena sucaritaṃ caranti, vācāya sucaritaṃ caranti, manasā sucaritaṃ caranti; tesāṃ rakkhito attā. Kiñcāpi te neva hatthikāyo rakkheyya, na assakāyo rakkheyya, na rathakāyo rakkheyya, na pattikāyo rakkheyya; atha kho tesāṃ rakkhito attā. Taṃ kissa hetu? Ajjhattikā hesā rakkhā, nesā rakkhā bāhirā; tasmā tesāṃ rakkhito attā’”ti.

“Evametaṃ, mahārāja, evametaṃ, mahārāja! Ye hi keci, mahārāja, kāyena duccharitaṃ caranti... pe... tesāṃ arakkhito attā. Taṃ kissa hetu? Bāhirā hesā, mahārāja, rakkhā, nesā rakkhā ajjhattikā; tasmā tesāṃ arakkhito attā. Ye ca kho keci, mahārāja, kāyena sucaritaṃ caranti, vācāya sucaritaṃ caranti, manasā sucaritaṃ caranti; tesāṃ rakkhito attā. Kiñcāpi te neva hatthikāyo rakkheyya, na assakāyo

rakkheyya, na rathakāyo rakkheyya, na pattikāyo rakkheyya; atha kho tesam rakkhito attā. Tam kissa hetu? Ajjhattikā hesā, mahārāja, rakkhā, nesā rakkhā bāhirā; tasmā tesam rakkhito attā”ti. Idamavoca... pe...

“Kāyena saṃvaro sādhu, sādhu vācāya saṃvaro;
Manasā saṃvaro sādhu, sādhu sabbattha saṃvaro;
Sabbattha saṃvuto lajjī, rakkhitoti pavuccatī”ti.

5. Attarakkhitasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

116. Pañcame **hatthikāyoti** hatthighaṭā. Sesesupi eseva nayo. **Saṃvaroti** pidahanam. **Sādhu** sabbattha **saṃvaroti** iminā kammaphabhedam apattassa kammassa saṃvaram dasseti. Lajjīti hirimā. **Lajjīgahaṇena** cettha ottappampi gahitameva hoti. Pañcamaṃ.